

Kế vị tông đồ

từ Thánh Anrê, Đấng được gọi đầu tiên, cho đến ngày nay

trong dòng kế vị

Đức Giám mục*

Garland F. Byers, Jr., J.D., D.D.‡

Giám mục cho muôn dân, theo sứ mạng tông đồ

1. Thánh Anrê, Đấng được gọi đầu tiên, Tông đồ và Tử đạo CO

được Chúa Kitô kêu gọi khoảng năm 30 sau Công nguyên
được nêu tên trong Kinh Thánh: người đầu tiên đi theo Chúa Kitô, người đã dẫn người anh em của mình là Simôn Phêrô đến với Ngài (Giăng 1:40–42); được kể tên trong Nhóm Mười Hai (Ma-thi-ơ 10:2)

Dòng kế vị tông đồ này trải dài từ Tông đồ Anrê, khoảng năm 30 sau Công nguyên, cho đến ngày nay, tức là 1.996 năm tính đến năm 2026.

Dòng kế vị từ Thánh Anrê đến Thánh Vladimir, Tổng giám mục đô thành Moskva, theo các danh sách giám mục do Tòa Thượng phụ Đại kết Constantinopolis và Giáo hội Chính Thống Nga lưu giữ: chính là những danh sách mà Giáo hội Chính Thống dựa vào để truy nguyên sự kế vị tông đồ của chính mình đến Thánh Anrê, Đấng được gọi đầu tiên.

Việc tấn phong vào chức vụ giám mục đã được trao truyền từ vị này sang vị kế tiếp, qua các Giáo hội được nêu tên dưới đây.

Một số giám mục trong dòng kế vị này cũng được tôn kính là thánh. Các dấu hiệu bên cạnh tên các ngài chỉ liên quan đến sự thánh thiện của đời sống. Các dấu hiệu ấy không liên quan gì đến tính hữu hiệu của bất cứ cuộc tấn phong nào: mỗi giám mục được liệt kê đều giữ vị trí của mình trong dòng kế vị như nhau, dù có được tôn kính là thánh hay không.

Th. Thánh: người được một Giáo hội công khai tôn kính là đã sống một đời thánh thiện anh hùng và nay đang ở cùng Đức Chúa Trời, và được Giáo hội ấy ghi nhớ trong lịch phụng vụ của mình. Trong Giáo hội sơ khai, các thánh được công nhận qua sự tung hô của các tín hữu và các giám mục của họ; về sau, qua việc

tuyên thánh chính thức trong Giáo hội Công giáo Rôma và việc tôn vinh hiển thánh trong Giáo hội Chính Thống.

Cp. Chân phước: trong Giáo hội Công giáo Rôma, người đã được phong chân phước, là bước chính thức đi trước việc tuyên thánh.

C Được Giáo hội Công giáo Rôma tôn kính là thánh hoặc chân phước.

O Được Giáo hội Chính Thống tôn kính là thánh.

CO Được cả Giáo hội Công giáo Rôma lẫn Giáo hội Chính Thống tôn kính là thánh.

Màu đỏ Tử đạo: người đã hiến mạng sống vì đức tin.

Các Giáo hội không phải lúc nào cũng nhất trí về việc ai là thánh. Một Giáo hội có thể tôn kính một người mà Giáo hội khác không tôn kính, và các dấu hiệu cho biết Giáo hội nào tôn kính mỗi vị.

Constantinopolis

Tòa Byzantium, về sau là Constantinopolis, nhận Thánh Anrê, Đấng được gọi đầu tiên, là đấng sáng lập. Các thượng phụ từ Thánh Stakhy, người được Thánh Anrê truyền chức, cho đến Nicholas II Chrysoberges, là vị thượng phụ mà vào thời ngài, vị tổng giám mục đô thành (Metropolitan) đầu tiên của Kyiv đã được sai đến với dân tộc Rus' mới chịu phép rửa.

2. Th. Stakhy CO 38
3. Onesimus 54
4. Polycarp I 69
5. Plutarch 89
6. Sedecion 105
7. Diogenes 114
8. Eleutherius 129
9. Felix 136
10. Polycarp II 141
11. Athenodorus 144
12. Euzois 148
13. Laurence 154
14. Alypius 166
15. Pertinax 169
16. Olympianus 187
17. Mark I 198
18. Philadelphus 211
19. Cyriacus I 214
20. Castinus 230
21. Eugenius I 237
22. Titus 242
23. Dometius 272
24. Rufinus I 284
25. Probus 293
26. Th. Metrophanes CO 306
27. Th. Alexander CO 314
28. Th. Phaolô I CO *Tử đạo* 337
29. Eusebius 339
30. Macedonius I 342
31. Eudoxius 360
32. Evagrius 370
33. Demophilus 370
34. Th. Grêgôriô Nazianzênô CO 379
35. Th. Nectarius CO 381
36. Th. Gioan Kim Khẩu CO 398
37. Arsacius 404
38. Th. Atticus CO 406

39. Sisinnius I 426
40. Nestorius 428
41. Maximian 431
42. Th. Proclus [CO] 434
43. Th. Flavian [CO] *Tử đạo* 446
44. Th. Anatolius [CO] 449
45. Th. Gennadius I [CO] 458
46. Acacius 472
47. Fravitta 489
48. Euphemius 490
49. Macedonius II 496
50. Timothy I 511
51. John II 518
52. Epiphanius 520
53. Anthimus I 535
54. Th. Menas [CO] 536
55. Th. Eutychius [CO] 552
56. John III 565
57. Th. John IV [CO] 582
58. Cyriacus II 596
59. Thomas I 607
60. Sergius I 610
61. Pyrrhus 638
62. Paul II 641
63. Peter 654
64. Thomas II 667
65. John V 669
66. Constantine I 675
67. Theodore I 677
68. George I 679
69. Paul III 688
70. Callinicus I 693
71. Cyrus 706
72. John VI 712
73. Th. Germanus I [CO] 715
74. Anastasius 730
75. Constantine II 754
76. Nicetas I 766
77. Th. Paul IV [CO] 780
78. Th. Tarasius [CO] 784
79. Th. Nicephorus I [CO] 806
80. Theodotus I 815
81. Anthony I 821
82. John VII 837
83. Th. Methodius I [CO] 843
84. Th. Ignatius [CO] 847
85. Th. Photius [O] 858
86. Stephen I 886
87. Anthony II 893
88. Th. Nicholas I [CO] 901
89. Euthymius I 907
90. Stephen II 925
91. Tryphon 928
92. Theophylact 933
93. Polyeuctus 956
94. Basil I 970
95. Anthony III 974
96. Nicholas II 984

Kyiv

Các tổng giám mục đô thành Kyiv và toàn cõi Rus', những vị đầu tiên được sai đến từ Constantinopolis, cho đến Thánh Peter, vị đã dời tòa tổng giám mục đô thành về Moskva.

97. Th. Michael [O] 988
98. Leontius 992
99. John I ..... khoảng năm 1008
100. Theopemptus 1037
101. Th. Hilarion [O] 1051

102. Ephraim 1055
103. George 1062
104. John II 1077
105. John III 1089
106. Nicholas 1097
107. Nicephorus I 1104
108. Nicetas 1122
109. Michael II 1130
110. Clement 1147
111. Constantine I 1156
112. Theodore 1161
113. John IV 1164
114. Constantine II 1167
115. Nicephorus II 1182
116. Matthew 1201
117. Cyril I 1224
118. Joseph 1236
119. Cyril II 1247
120. Maximus 1283
121. Th. Peter [O] 1308

Moskva

Các tổng giám mục đô thành (Metropolitan) và thượng phụ Moskva, và, từ thế kỷ XVIII, khi Giáo hội Nga được Thánh Hội đồng (Holy Synod) cai quản, các tổng giám mục và tổng giám mục đô thành Moskva, cho đến Thánh Vladimir.

122. Theognostus 1328
123. Th. Alexius [O] 1354
124. Th. Cyprian [O] 1381
125. Th. Photius [O] 1408
126. Isidore 1437
127. Th. Jonah [O] 1448
128. Theodosius 1461
129. Philip I 1464
130. Gerontius 1473
131. Zosimus 1490
132. Simon 1495
133. Barlaam 1511
134. Daniel 1522
135. Joasaph 1539
136. Th. Macarius [O] 1542
137. Athanasius 1564
138. Th. Philip II [O] *Tử đạo* 1566
139. Cyril 1568
140. Anthony 1572
141. Dionysius 1581
142. Th. Job [O] 1587
143. Th. Hermogenes [O] *Tử đạo* 1606
144. Philaret 1619
145. Joasaph I 1634
146. Joseph 1642
147. Nikon 1652
148. Joasaph II 1667
149. Pitirim 1672
150. Joachim 1674
151. Adrian 1690
152. Joseph (Volchansky) 1742
153. Platon (Malinovsky) 1748
154. Timothy (Shcherbatsky) 1757
155. Ambrose (Zertis-Kamensky) 1768
156. Platon (Levshin) 1775
157. Augustine (Vinogradsky) 1818
158. Seraphim (Glagolevsky) 1819
159. Th. Philaret (Drozdov) [O] 1821
160. Th. Innocent (Veniaminov) [O] 1868
161. Macarius (Bulgakov) 1879
162. Joannicius (Rudnev) 1882
163. Leontius (Lebedinsky) 1891

164. Sergius (Lyapidevsky) 1893
165. Th. Vladimir (Bogoyavlensky) [O] *Tử đạo* ... 1898

Hoa Kỳ

Từ Evdokim, được tấn phong giám mục tại Moskva năm 1904 và về sau là Tổng Giám mục quần đảo Aleut và Bắc Mỹ, mỗi giám mục được tấn phong bởi vị có tên trước mình.

166. Evdokim (Meschersky) 1904
167. Aftimios (Ofiesh) 1917
168. Sophronios (Bishara) 1928
169. John Chrysostom (More-Moreno) 1933
170. Perry Nikolaus Cedarholm 1949
171. Nils Bertil Alexander Persson 1971
172. Samuel Guido, Jr. 2004

173.

Garland F. Byers, Jr.

2013

Bí tích Truyền Chức Thánh

Lễ phong chức
Ngày 17 tháng 8 năm 2008, qua việc đặt tay, tại St. Paul's Lutheran Orthodox Chapel, Palmerton, Pennsylvania.

Tấn phong giám mục
Ngày 20 tháng 4 năm 2013, qua việc đặt tay trong cử hành Bí tích Thánh Thể, tại St. Paul's Lutheran Orthodox Chapel, hôm ấy nhóm họp tại American Legion Post 16, Slatington, Pennsylvania.

Vị chủ phong
Đức Tổng Giám mục Samuel Guido, Jr.

Các vị phụ phong
Giám mục Bradley A. Varvil
Giám mục Michael Byus
Giám mục James Thompson
Các chứng thư phong chức và tấn phong giám mục, cùng với hình ảnh lễ tấn phong, được trình bày trên trang Về Đức Giám mục.

Phục vụ

Được tấn phong giám mục ngày 20 tháng 4 năm 2013, trong Lutheran Orthodox Church, Inc., nơi về sau ngài đã phục vụ với tư cách Tổng Giám mục Giáo phận Western North Carolina. Đức Giám mục Byers không còn liên kết với tổ chức ấy.

Tiến sĩ Thần học (*honoris causa*), do Lutheran Orthodox Church, Inc. trao tặng ngày 20 tháng 4 năm 2013.



Mọi câu Kinh Thánh tiếng Việt trên trang này được trích từ bản *Kinh Thánh* 1934 (bản dịch của William Cadman và các cộng sự), thuộc phạm vi công cộng. Văn bản: ebible.org/vie1934. Chỉ trích dẫn từng đoạn; dấu chấm lửng (...) chỉ phần lược bỏ. Chỉ sửa vài chữ bị lỗi mã hóa trong bản điện tử ấy (chẳng hạn "Aáy" thành "Ấy", "k"" thành "kỳ"); riêng Ma-thi-ơ 6:10, bị lỗi không đọc được trong bản ấy, được lấy từ một bản sao khác của cùng bản Kinh Thánh 1934.

Ảnh thánh Thánh Anrê, màu keo trứng trên gỗ có thếp vàng, miền bắc Hy Lạp, thế kỷ XIV. Walters Art Museum, Baltimore (37.559), lấy từ Wikimedia Commons; được bảo tàng phát hành vào public domain; đã đổi kích thước so với bản gốc.